

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**  
*Số: 08/QuangQuan/2024*

**Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH QUANG QUÂN**

**Địa chỉ:** KCN Đồng Văn 1, Bạch Thượng, Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

**Điện thoại:** 0226.2474363. Fax: 0226.3583050.

**E-mail:** [congyquangquan@gmail.com](mailto:congyquangquan@gmail.com).

**CÔNG BỐ:**

**Sản phẩm:** Nắp nhựa PP

**Xuất xứ:** CÔNG TY TNHH QUANG QUÂN

**Địa chỉ:** KCN Đồng Văn 1, Bạch Thượng, Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

**Điện thoại:** 0226.2474363. Fax: 0226.3583050.

**E-mail:** [congyquangquan@gmail.com](mailto:congyquangquan@gmail.com).



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

*Số: 08/QuangQuan/2024*

**I. Thông tin tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:**

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH QUANG QUÂN**

**Địa chỉ:** Khu công nghiệp Đồng Văn 1, Bạch Thượng, Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

**Điện thoại:** 0226.2474363.

**Fax:** 0226.3583050.

**E-mail:** congtyquangquan@gmail.com.

Mã số doanh nghiệp: 0700252570 ; Ngày cấp lần 1: 19/03/2020

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Tổ chức không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại điểm e, khoản 1, điều 12 Nghị định số 15/2018-NĐ-CP của Chính phủ.

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: **Nắp nhựa PP**

2. Thành phần: Hạt nhựa PP nguyên sinh, RPP, hạt màu;

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 36 tháng kể từ ngày sản xuất;

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Quy cách đóng gói: số lượng theo yêu cầu của khách hàng (phụ lục đính kèm);

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói thành từng túi PE, có dán nhãn cho từng bao theo từng mã sản phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm

**CÔNG TY TNHH QUANG QUÂN**

Địa chỉ sản xuất 1: KCN Đồng Văn 1, Bạch Thượng, Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam;

Địa chỉ sản xuất 2: KCN Đồng Văn 2, Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm:** Mẫu nhãn sản phẩm theo phụ lục đính kèm

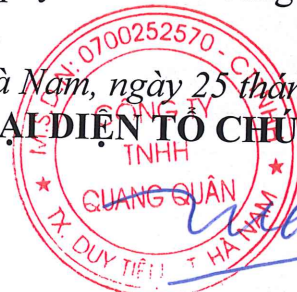
**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:**

Công ty TNHH Quang Quân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: QCVN 12-1:2011/BYT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh về bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa tổng hợp.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hà Nam, ngày 25 tháng 10 năm 2024

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**



**GIAM ĐOC**

*Nguyễn Thành Tuấn*

5257  
NG T  
TNHH  
NG Q  
TIỀN -

## Phụ lục 1: Mẫu nhãn sản phẩm


**CÔNG TY TNHH QUANG QUÂN**

Địa chỉ: KCN Đồng Văn 1, Bạch Thượng, Duy Tiên, Hà Nam  
ĐT: 0226 247 4363 - 0226 358 3530


**Tên hàng hóa: Nắp nhựa PP**

|                    |   |                                                                                     |           |       |     |
|--------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------|-----|
| Mã sản phẩm        | : | .....                                                                               | Số lượng: | ..... | Cái |
| Nơi sản xuất       | : | Địa điểm 1 - KCN Đồng Văn 1, Bạch Thượng, Duy Tiên, Hà Nam <input type="checkbox"/> |           |       |     |
|                    | : | Địa điểm 2 - KCN Đồng Văn 2, Duy Minh, Duy Tiên, Hà Nam <input type="checkbox"/>    |           |       |     |
| Ngày sản xuất      | : | .....                                                                               |           |       |     |
| Thời hạn sử dụng   | : | 36 tháng từ ngày sản xuất;                                                          |           |       |     |
| Thành phần         | : | Hạt nhựa PP nguyên sinh, RPP, hạt màu;                                              |           |       |     |
| Thông số Kỹ thuật  | : | .....                                                                               |           |       |     |
| Hướng dẫn bảo quản | : | Bảo quản nơi khô ráo, không để nơi có nhiệt độ cao trên 60°C;                       |           |       |     |
| Hướng dẫn sử dụng  | : | Dùng để chứa, đựng thực phẩm (sử dụng một lần);                                     |           |       |     |
| Thông tin cảnh báo | : | Không sử dụng chứa các loại thực phẩm nóng trên 100°C;                              |           |       |     |
| Sản phẩm phù hợp   | : | QCVN 12-1:2011/BYT;                                                                 |           |       |     |
| Tự công bố số      | : | 08/QuangQuan/2024.                                                                  |           |       |     |

0-CT  
Y  
JÂN  
T. HÀ N

## Phụ lục 2: Mã sản phẩm

| STT | Mã            | Chỉ số sản phẩm đóng gói |
|-----|---------------|--------------------------|
| 1.  | 2TP5NPPNA0008 | 1 Bao = 2.400 Cái        |
| 2.  | 2TP5NPPNA0009 | 1 Thùng = 1,000 Cái      |
| 3.  | 2TP5NPPNA0011 | 1 Thùng = 500 Cái        |
| 4.  | 2TP5NPPNL0002 | 1 Bao = 8.000 Cái        |
| 5.  | 2TP5NPPNL0003 | 1 Bao = 8.000 Cái        |
| 6.  | 2TP5NPPNL0004 | 1 Bao = 14.000 Cái       |
| 7.  | 2TP5NPPNL0005 | 1 Bao = 16.000 Cái       |
| 8.  | 2TP5NPPNL0010 | 1 Bao = 8.000 Cái        |
| 9.  | 2TP5NPPNL0011 | 1 Bao = 8.000 Cái        |
| 10. | 2TP5NPPNL0012 | 1 Bao = 8.000 Cái        |
| 11. | 2TP5NPPNL0013 | 1 Bao = 8.000 Cái        |
| 12. | 2TP5NPPNL0014 | 1 Bao = 13.000 Cái       |
| 13. | 2TP5NPPNL0015 | 1 Bao = 5.000 Cái        |
| 14. | 2TP5NPPNL0016 | 1 Bao = 8,000 Cái        |
| 15. | 2TP5NPPNL0017 | 1 Thùng = 1.000 Cái      |
| 16. | 2TP5NPPNL0019 | 1 Bao = 8,000 Cái        |
| 17. | 2TP5NPPNL0020 | 1 Bao = 8,000 Cái        |
| 18. | 2TP5NPPNL0021 | 1 Bao = 14,000 Cái       |
| 19. | 2TP5NPPNL0022 | 1 Bao = 16,000 Cái       |
| 20. | 4TP5NPPNA0007 | 1 Thùng = 500 Cái        |
| 21. | 4TP5NPPNA0009 | 1 Thùng = 1,000 Cái      |
| 22. | 4TP5NPPNA0010 | 1 Thùng = 1,000 Cái      |
| 23. | 4TP5NPPNA0011 | 1 Thùng = 500 Cái        |
| 24. | 4TP5NPPNL0001 | 1 Bao = 10,000 Cái       |
| 25. | 4TP5NPPNL0003 | 1 Bao = 8,000 Cái        |
| 26. | 4TP5NPPNL0018 | 1 Bao = 8,000 Cái        |
| 27. | 4TP5NPPNL0019 | 1 Thùng = 1,000 Cái      |
| 28. | 4TP5NPPNL0020 | 1 Bao = 5,000 Cái        |
| 29. | 4TP5NPPNL0021 | 1 Thùng = 1,000 Cái      |
| 30. | 4TP5NPPNL0023 | 1 Bao = 7,000 Cái        |
| 31. | 4TP5NPPNL0024 | 1 Bao = 8,000 Cái        |
| 32. | 4TP5NPPNL0025 | 1 Bao = 5,000 Cái        |

Số/No: 24/TN4/1436/08

Trang/Page: 1/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ Name of sample: **Nắp nhựa PP**
- Khách hàng/ Customer: **Công ty TNHH Quang Quân**
- Số lượng mẫu/ Quantity: **10 cái**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: **30/07/2024**
- Tình trạng mẫu/ Status of sample: **Mẫu trong túi nilon**
- Thời gian thử nghiệm/ Test duration: **Từ ngày/ From: 30/07/2024 đến ngày/ To: 14/08/2024**
- Ngày hoàn thành/Completion date: **14/08/2024**

| STT<br>Item | Tên chỉ tiêu<br>Specifications                                                            | Đơn vị<br>Unit | Phương pháp thử<br>Test methods | Mức tham khảo<br>Limits (**) | Kết quả<br>Results |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------|------------------------------|--------------------|
| 1           | Hàm lượng Chì                                                                             | µg/g           | QCVN 12-1:2011/BYT + ICP MS     | < 100                        | KPH (LOD =1,0)     |
| 2           | Hàm lượng Cadimi                                                                          | µg/g           | "                               | < 100                        | KPH (LOD =1,0)     |
| 3           | Hàm lượng cặn khô: Điều kiện ngâm: (*)                                                    |                | QCVN 12-1:2011/BYT              |                              |                    |
|             | . 60°C, 30 phút, trong nước                                                               | µg/ml          | "                               | ≤ 30                         | KPH (LOD =5,0)     |
|             | . 60°C, 30 phút, trong axit axetic 4%                                                     | µg/ml          | "                               | ≤ 30                         | < 15,0 (LOQ =15,0) |
|             | . 60°C, 30 phút, trong etanol 20%                                                         | µg/ml          | "                               | ≤ 30                         | KPH (LOD =5,0)     |
|             | . 25°C, 60 phút, trong n-heptan                                                           | µg/ml          | "                               | ≤ 30                         | KPH (LOD =5,0)     |
| 4           | Tổng kim loại nặng qui ra Pb<br>(Điều kiện thử nghiệm: 60°C, 30phút trong axit axetic 4%) | µg/ml          | QCVN 12-1:2011/BYT              | ≤ 1,0                        | < 1,0              |
| 5           | Lượng KMnO <sub>4</sub> sử dụng: (*)<br>(Điều kiện thử nghiệm: 60°C, 30phút trong nước)   | µg/ml          | QCVN 12-1:2011/BYT              | ≤ 10                         | KPH (LOD =1,0)     |

KPH: không phát hiện

(\*) : Chỉ tiêu đã được công nhận VILAS

(\*\*) : Mức tham khảo: QCVN12-1:2011/BYT- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm

**TRƯỞNG PHÒNG  
THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM**  
Head of Lab

**Nguyễn Trần Quân**

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2024

**GIÁM ĐỐC**

Director



**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Ngọc Châm**

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test results is value only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 24/TN4/1436/08

Trang/Page: 2/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

